

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 3, xã M, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Hà Ngọc B, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn 3, xã M, huyện H, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị H với anh Hà Ngọc B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Hà Ngọc B tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có hai con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Hà Khôi Ng1, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2014 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ng1 đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Hà Lê Bảo Ng2, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2009 cho anh Hà Ngọc B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ng2 đủ 18

tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho nhau. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản:* Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 5; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm (*Thuận tình ly hôn*) là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), các đương sự phải chịu. Chị Lê Thị H tự nguyện thỏa thuận chịu toàn bộ số tiền này, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Lê Thị H đã nộp theo biên lai số AA/2016/ 0000715 ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, chị Lê Thị H được trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh ;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã A, H.L, T.Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh

